TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/DS-ST
Ngày: 16-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Để.

2. Ông Nguyễn Văn Cho.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 và ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2022/TLST-DS về việc *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi",* theo Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2023/QĐST-DS ngày 05/4/2023 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 06/2023/QĐST-DS ngày 04/5/2023, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Bà L, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp C, xã H, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

2- Bị đơn: Bà M, sinh năm 1967 và Ông D, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp C, xã H, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông D: Luật sư C - Là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Kiên Giang.

3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông V, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp C, xã H, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

(Bà L, bà M, ông V, Luật sư có mặt; ông D có mặt đến phần tranh luận, vắng mặt khi tuyên án)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:* Bà L và vợ chồng bà M, ông D có tham gia chơi hụi, bà M làm chủ hụi. Năm 2019 bà L có tham gia chơi hụi 3.000.000 đồng/tháng. Đầu năm 2020 bà M ngừng hụi và tổng kết sổ còn nợ bà L 75.000.000 đồng. Sau đó có trả nhiều lần được 10.000.000 đồng. Còn lại 65.000.000 đồng bà M không trả nữa. Nay yêu cầu bà M, ông D trả số tiền 65.000.000 đồng.

Tại phiên tòa: Bà L thống nhất nếu bà M, ông D không trả theo hụi chết thì trả vốn bà đã đóng, đồng thời tính lãi theo quy định của pháp luật, kể từ khi ngừng hụi đến nay 39 tháng. Số tiền vốn và lãi cộng lại cao hơn số tiền yêu cầu thì thống nhất chỉ nhận 65.000.000 đồng.

- *Bị đơn bà M trình bày:* Trước đây bà M có tổ chức chơi hụi, bà M làm chủ. Năm 2019 bà bị bệnh, đầu năm 2020 nghỉ. Bà L có tham gia chơi hụi 3.000.000 đồng/tháng, tổng số 6 phần. Đầu năm 2020 ngưng hụi đến nay 39 tháng, có thiếu bà L tổng cộng 75.000.000 đồng; sau đó có trả được 10.000.000 đồng, còn nợ 65.000.000 đồng. Nhưng hiện nay bà M còn nợ rất nhiều người, ai cũng cho bà trả dần hằng tháng, chỉ riêng bà L không cho trả dần mà đòi trả hết một lần. Do hoàn cảnh hiện nay rất khó khăn, vợ chồng bà đều bị bệnh, chồng bà là ông D bị tai biến, nên xin bà L cho trả vốn còn lại là 44.600.000 đồng và trả dần mỗi tháng 500.000 đồng. Bà chơi hụi thì bà chịu trách nhiệm trả, không liên quan tới ông D.

Tại phiên tòa: Bà M thống nhất với bà L số tiền gốc bà L đã đóng là 53.790.000 đồng, đã trả được 10.000.000 đồng, còn lại 43.790.000 đồng tiền gốc; từ khi ngưng hụi đến nay là 39 tháng. Hiện nay hoàn cảnh khó khăn chỉ đồng ý trả số vốn này cho bà L, nếu bà L không đồng ý thì Tòa án cứ tính theo quy định của pháp luật.

- *Bị đơn ông D trình bày*: Trước đây bà M tổ chức chơi hụi ông đã ngăn cản không cho bà M chơi. Bà M không nghe mà tổ chức chơi hụi, nay thiếu nợ thì tự trả, ông không biết. Tiền bà M chơi hụi không có đem về nhà nên không có liên quan gì đến ông.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông V trình bày:* Bà L đứng ra chơi hụi với vợ chồng bà M, số tiền không lớn nên ông giao cho bà L tự yêu cầu, ông không yêu cầu.

- *Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông D trình bày:* Số tiền hụi phía bà M thừa nhận nhưng việc chơi hụi là do bà M tự tổ chức chơi, trước đó ông D đã có ngăn cản không cho bà M chơi hụi. Thời gian sau này ông D và bà M cũng không sống chung với nhau, tiền bà M chơi hụi tự tiêu xài, ông D không có xài số tiền này. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trách nhiệm trả nợ là của bà M, không liên quan đến ông D.

- *Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng và chấp hành nội quy phiên tòa. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền 65.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà M có tổ chức chơi hụi và làm chủ hụi, bà L có tham gia thành viên, nay xảy ra tranh chấp nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng góp hụi.

[2] Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã giải thích các trường hợp thuộc diện được trợ giúp pháp lý miễn phí. Ông D là người khuyết tật được trợ cấp xã hội hằng tháng nên Trung tâm Trợ giúp pháp lý đã cử Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông D.

Ông V là chồng của bà L nên Tòa án đưa ông V vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Khi bà M ngưng hụi, tổng kết nợ thì bà M và bà L thống nhất số tiền còn nợ là 75.000.000 đồng, bà M đã trả được 10.000.000 đồng, còn lại 65.000.000 đồng. Nhưng nay hoàn cảnh khó khăn, bà M yêu cầu được trả lại số tiền vốn bà L đã đóng và trả mỗi tháng 500.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà L và bà M đối chiếu số tiền bà L đã đóng thì các bên thống nhất số tiền vốn bà L đã đóng là 53.790.000 đồng, bà M đã trả được 10.000.000 đồng, còn lại 43.790.000 đồng và từ ngày ngưng hụi, không đóng tiền đến nay tính tròn là 39 tháng. Đây là tình tiết các bên thừa nhận nên đương sự không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà L yêu cầu trả nợ theo tổng kết nợ vì khi bà L hốt các dây hụi khác cũng phải đóng hụi chết đủ, chứ không phải đóng theo số tiền được nhận. Nếu bà M, ông D không đồng ý thì yêu cầu tính lãi từ ngày bà M ngưng hụi không giao tiền cho bà L đến ngày xét xử tính tròn là 39 tháng. Bà M thống nhất trả vốn, không thống nhất

trả theo hụi chết và bà M trình bày hiện nay vốn không có tiền trả thì tính lãi làm gì có trả.

[4] Xét số nợ phải trả: Theo quy định tại Điều 22 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 thì trường hợp đến kỳ mở hụi mà chủ hụi không giao hoặc giao không đầy đủ các phần hụi cho thành viên được lĩnh hụi thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Số tiền vốn bà L đã đóng là 53.790.000 đồng, bà M trả nhiều lần được 10.000.000 đồng. Bà L chỉ yêu cầu tính lãi trên số tiền vốn còn lại là 43.790.000 đồng từ khi bà M ngưng hụi không trả lại tiền là đã có lợi cho bà M.

Tiền nợ vốn 43.790.000 đồng x 39 tháng x 1,66% = 28.349.646 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 43.790.000 đồng + 28.349.646 đồng = 72.139.646 đồng.

Như vậy, tiền gốc và tiền lãi đến ngày xét xử là 72.139.646 đồng. Tuy nhiên, bà L thống nhất chỉ yêu cầu trả số tiền 65.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận, buộc trả số tiền 65.000.000 đồng.

[5] Xét về nghĩa vụ trả nợ: Bà L yêu cầu vợ chồng bà M, ông D cùng trả nợ. Bà M và ông D cho rằng hụi do bà M tự chơi, ông D không biết nên ông D không thống nhất cùng trả nợ.

Ông D và bà M thừa nhận là vợ chồng, trước đây sống chung nhà, làm ăn, sinh hoạt chung. Tại biên bản ghi lời khai ngày 26/12/2022 bà M có trình bày: bà tổ chức chơi hụi ông D biết, lúc chơi hụi 500.000 đồng có người giật hụi nên ông D có kêu bà nghỉ, nhưng do nhiều chị em chơi, thấy công việc cũng nhẹ nhàng nên tiếp tục chơi. Tiền hoa hồng để sinh hoạt chung trong gia đình. Tại phiên tòa, bà M trình bày: tiền hoa hồng do bà tổ chức chơi hụi có được bà trị bệnh cho bản thân, không chi xài gì cho ông D.

Theo quy định tại Điều 29 của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ bảo đảm điều kiện để đáp ứng nhu cầu thiết yêu của gia đình. Tại khoản 20 Điều 3 của Luật Hôn nhân và gia đình có giải thích nhu cầu thiết yếu là nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám, chữa bệnh…Tại khoản 1 Điều 30 của Luật Hôn nhân và gia đình có quy định: vợ chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Khoản 3 Điều 45 của Luật Hôn nhân và gia đình xác định nghĩa vụ riêng về tài sản của vợ

chồng là nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do một bên xác lập, thực hiện không vì nhu cầu của gia đình.

Từ những phân tích trên, thấy rằng bà M sử dụng tiền có được từ việc chơi hụi nhằm mục đích sinh hoạt chung cho gia đình và bà M điều trị bệnh, đây là những nhu cầu thiết yếu sinh hoạt trong gia đình nên ông D phải có trách nhiệm cùng liên đới trả nợ với bà M. ÔngV không yêu cầu mà giao cho bà L yêu cầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L và thống theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, buộc ông D và bà M cùng liên đới trả cho bà L số tiền 65.000.000 đồng.

[6] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 12, 14, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thi hành 65.000.000 đồng x 5% = 3.250.000 đồng. Do ông D là người có công với cách mạng và có đơn xin miễn án phí nên ông D được miễn nộp án phí. Bà M phải chịu 50% trong tổng số án phí là 1.625.000 đồng. Bà L không phải chịu án phí nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 468, 471 của Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13; Điều 3, 29, 30, 37, 45 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 18, 21, 22, 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về *"họ, hụi, biêu, phường";* Điều 6, 12, 14, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà L đối với bà M và ông D. Buộc bà M và ông D cùng liên đới trả cho bà L số tiền **65.000.000**đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà L cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bà M, ông D còn phải chịu khoản tiền lãi trên số nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2- Án phí sơ thẩm:

Cho ông D được miễn nộp tiền án phí. Bà M phải chịu án phí sơ thẩm là 1.625.000 đồng (Một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000946 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông D vắng mặt khi tuyên án nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

4- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận